

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HÓA  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 24/9/2019  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy;  
Ông Lê Cát Tường .

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2019/QĐXX-ST ngày 13 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2019/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L - Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Đội 5, xã H, huyện Hoằng H, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Bùi Tá H - Sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số nhà 14 đường Trần Thị N, phường T, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị L, vắng mặt anh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị Luận trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị L và anh Bùi Tá H kết hôn với nhau năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh H còn ham chơi, không

tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, anh H có sử dụng trái phép chất ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 5/2015, chị và con trai đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại đội 5, xã Hoàng T, huyện Hoàng H, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, sau đó chị đã đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 4/2019, chị đã về nước và hiện nay đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay, chị L xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị Luận và anh Hùng có 01 con chung là cháu Bùi Tá H1, sinh ngày 15/9/2011. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu H1 và yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị mỗi tháng 3.000.000đ. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, tại phiên hòa giải 23/7/2019 chị và anh H đã thống nhất, ly hôn giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh H.

Về tài sản, công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Tá H trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời khai của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc tại số nhà 14 đường Trần Thị N, phường T, thành phố Thanh Hóa, giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên khoảng tháng 5/2015, do chị L có hiểu nhầm anh có quan hệ với người phụ nữ khác nên chị L đã giận anh và bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại đội 5, xã Hoàng T, huyện Hoàng H, tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Anh đã gặp chị L để giải thích nhiều lần nhưng chị L vẫn không hiểu, hai bên gia đình và chính quyền địa phương cũng đã hòa giải nhiều lần để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị L vẫn không quay về chung sống cùng anh. Từ khoảng tháng 4/2016, chị L không có mặt tại địa phương, chị L đi đâu, làm gì cũng không thông báo cho anh. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ đó cho đến nay, chị L không liên lạc, không quan tâm đến anh và gia đình. Đến tháng 4/2019, khi anh đến nhà bố mẹ chị L thì mới gặp chị L đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Trước đây anh có sử dụng trái phép chất ma túy nhưng từ năm 2015, anh đã cai nghiện thành công và từ đó cho đến nay anh không còn sử dụng ma túy nữa, anh đã tu chí làm ăn, chăm sóc cho con trai đầy đủ. Nay anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị L vẫn còn nên chị L làm đơn khởi

kiện ly hôn thì anh không đồng ý, trường hợp chị L vẫn cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị L có một con chung là cháu Bùi Tá H1, sinh ngày 15/9/2011. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu H1 và không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh. Tại phiên hòa giải ngày 23/7/2019, chị L cũng đã đồng ý giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh.

Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về con chung: chị đồng ý giao cháu H1 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh H mỗi tháng 3.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2019 cho đến khi con thành niên; về tài sản công nợ: chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Đối với bị đơn mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập của Tòa án nhưng chỉ có mặt để trình bày lời khai và có mặt tại phiên hòa giải lần thứ hai là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân Sự. Tại phiên tòa hôm nay, anh Hùng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử theo thủ tục chung. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L và ghi nhận sự thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng của anh chị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Thanh Hóa. Việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn là anh Bùi Tá H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Hùng.

[3] Về hôn nhân: Chị L và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng có xảy ra hiểu lầm nhau. Ngoài ra chị L còn cho rằng anh H có sử dụng trái phép chất ma túy, ham chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình. Tuy nhiên anh H trình bày anh đã cai nghiện ma túy thành công từ năm 2015, từ đó cho đến nay anh không còn sử dụng ma túy, anh đã tu chí làm ăn. Anh H cũng đã cố gắng dùng mọi biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mâu thuẫn của anh chị cũng đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 5/2015, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 4/2016, chị L đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, nhưng vì tình cảm vợ chồng không còn nên chị không thông báo cho anh H biết, trong thời gian lao động tại Nhật Bản chị cũng không liên lạc với anh Hùng, không quan tâm đến anh H. Vợ chồng anh chị đã không còn liên lạc, quan tâm đến nhau từ tháng 4/2016. Đến tháng 4/2019, chị Luận về nước, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đã nộp đơn khởi kiện ly hôn đến Tòa án. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải và để thời gian cho anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng, tuy nhiên mâu thuẫn của vợ chồng anh chị vẫn không thể giải quyết được. Xác minh tại địa phương thể hiện, quá trình anh H và chị L sinh sống tại địa phương đến năm 2015 thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng xảy ra va chạm. Từ tháng 5/2015, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Như vậy có thể khẳng định tình cảm vợ chồng và đời sống chung giữa chị L và anh H không còn, quan hệ hôn nhân chỉ là hình thức, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng có quay về đoàn tụ thì cuộc sống cũng không hạnh phúc. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H và phù hợp với pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4]. Về con chung: Chị L và anh H có một con chung là cháu Bùi Tá H1, sinh ngày 15/9/2011. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng với anh H, anh H nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt cho cháu H. Tại phiên tòa chị L cũng thừa nhận hiện nay anh H đã cai nghiện thành công, có việc làm, thu nhập và chỗ ở ổn định. Cháu H1 cũng có nguyện vọng xin được ở với bố. Quá trình giải quyết vụ án, chị L và anh H đã thỏa thuận và thống nhất, ly hôn giao cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy việc thỏa thuận của anh H và chị L về người trực tiếp nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo về quyền lợi cho con chưa thành niên và phù hợp với quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

Tại phiên tòa chị L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh H mỗi tháng 3.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu H1 thành niên. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị L và cũng là điều kiện để đảm bảo cho cháu

H có một cuộc sống tốt hơn nên có cơ sở để ghi nhận mức cấp dưỡng nuôi con của chị L.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 .

Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị L được ly hôn anh Bùi Tá H.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh H và chị L, anh H và chị L có một con chung là cháu Bùi Tá H, sinh ngày 15/9/2011. Ly hôn giao cháu H cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh H mỗi tháng 3.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu H1 thành niên.

Chị L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Chị L, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị L phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ đi số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L nộp theo biên lai số AA/2017/0006417 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thuận phò Thanh Hóa, chị L còn phải nộp 300.000đ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND TP Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP Thanh Hóa;
- UBND P. Trường Thi;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**Đã ký**

**Trần Thị Thu Phương**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**

**Lê Cát Tường**

**Trần Thị Thu Phương**

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi giờ phút ngày 24 tháng 9 năm 2019;  
Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

**Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Cát Tường;  
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 175/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Luận - Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Đội 5, xã Hoằng Thịnh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Bùi Tá Hùng - Sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số nhà 14 đường Trần Thị Nam, phường Trường Thi, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,  
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU :**

1. Về điều luật: Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Luận được ly hôn anh Bùi Tá Hùng.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Hùng và chị Luận, anh Hùng và chị Luận có một con chung là cháu Bùi Tá Hưng, sinh ngày 15/9/2011. Ly hôn giao cháu Hưng cho anh Hùng trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Luận cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh Hùng mỗi tháng 3.000.000đ, thời gian cấp dưỡng từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu Hưng thành niên.

Chị Luận có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kết quả biểu quyết: 3/3.



4. Về tài sản, công nợ: Chị Luận, anh Hùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.  
Kết quả biểu quyết: 3/3.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị Luận phải nộp 300.000đ án phí ly hôn s- thêm và 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ nhưng được trừ đi sè tiền t' m ợng án phí 300.000đ chị Luận ®. nếp theo bi' n lai sè AA/2017/0006417 ngày 08/5/2019 của Chi cõc Thi hụnh án d' n sù Thụnh phè Thanh Hũa, chị Luận còn phải nộp 300.000đ tiền án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, ngày 24 tháng 9 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Cát Tường**

**Trần Thị Thu Phương**

**Nguyễn Thị Thanh Thủy**

TP Thanh Hóa, ngày 26 tháng 6 năm 2019

**BÁO CÁO GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÔN NHÂN GIA ĐÌNH**

Tôi là: Trần Thị Thu Phương; Chức vụ: Thẩm phán.

Được phân công giải quyết, xét xử vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 175/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị Luận - Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Đội 5, xã Hoàng Thịnh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Anh Bùi Tá Hùng - Sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số nhà 14 đường Trần Thị Nam, phường Trường Thi, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Nguyên đơn là chị Hoàng Thị Luận trình bày:

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị Luận và anh Bùi Tá Hùng kết hôn với nhau năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Thi, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ngoài ra anh Hùng còn ham chơi, không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, anh Hùng còn sử dụng trái phép chất ma túy dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn căng thẳng nhất vào tháng 5/2015, chị và con trai đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại đội 5, xã Hoàng Thịnh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa sinh sống, sau đó chị đã đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Đến tháng 4/2019, chị đã về nước và hiện nay vẫn đang sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện. Nay, chị Luận xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hùng.

Về con chung: Chị Luận và anh Hùng có 01 con chung là cháu Bùi Tá Hưng, sinh ngày 15/9/2011. Ly hôn chị Luận có nguyện vọng được nuôi cháu

Hung và yêu cầu anh Hùng cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị mỗi tháng 3.000.000đ. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị Luận và anh Hùng đã thống nhất, ly hôn giao cháu Hung cho anh Hùng trực tiếp nuôi dưỡng, chị Luận không cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh Hùng.

Về tài sản, công nợ: Chị Luận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Bùi Tá Hùng trình bày:

Về hôn nhân: Anh thống nhất với lời khai của chị Luận về thời gian, điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc tại số nhà 14 đường Trần Thị Nam, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa, giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên khoảng tháng 5/2015, do chị Luận có hiểu nhầm anh có quan hệ với người phụ nữ khác nên chị Luận đã giận anh và bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại đội 5, xã Hoằng Thịnh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa sinh sống. Anh Hùng đã gặp chị Luận để giải thích nhiều lần nhưng cô Luận vẫn không hiểu, hai bên gia đình và chính quyền địa phương cũng đã hòa giải nhiều lần để vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng chị Luận vẫn không quay về chung sống cùng anh. Từ khoảng tháng 4/2016, chị Luận không có mặt tại địa phương, chị Luận đi đâu, làm gì cũng không thông báo cho anh. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ đó cho đến nay, chị Luận không liên lạc, không quan tâm đến anh và gia đình. Đến tháng 4/2019, khi anh đến nhà bố mẹ chị Luận thì mới gặp chị Luận đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Trước đây anh có sử dụng trái phép chất ma túy nhưng từ năm 2015, anh đã cai nghiện thành công và từ đó cho đến nay anh không còn sử dụng ma túy nữa, anh đã tu chí làm ăn, chăm sóc cho con trai đầy đủ. Nay anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị Luận vẫn còn nên chị Luận làm đơn khởi kiện ly hôn thì anh không đồng ý, trường hợp chị Luận vẫn cương quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh và chị Luận có một con chung là cháu Bùi Tá Hung, sinh ngày 15/9/2011. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Hung và không yêu cầu chị Luận cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Hùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên hòa giải ngày 23/7/2019, chị Luận cũng đã đồng ý giao cháu Hung cho anh Hùng trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh Hùng.

- Thu thập chứng cứ tại địa phương phản ánh: quá trình anh Hùng và chị Luận sinh sống tại địa phương đến năm 2015 thì vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Hùng có sử dụng ma túy dẫn đến vợ chồng xảy ra va va chạm. Từ tháng 5/2015, chị Luận đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh

sống, anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Anh Hùng và chị Luận có một con chung như anh chị trình bày.

***Thẩm phán dự kiến đề xuất giải quyết vụ án:***

Về điều luật áp dụng: Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, khoản 1 điều 273, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 .

Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Luận được ly hôn anh Bùi Tá Hùng.

Về con chung: Chị Luận và anh Hùng có một con chung là cháu Bùi Tá Hùng, sinh ngày 15/9/2011. Ly hôn, công nhận sự thỏa thuận của anh chị, giao cháu Hùng cho anh Hùng trực tiếp nuôi dưỡng, chị Luận không cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh Hùng.

Chị Luận có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Chị Luận, anh Hùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị Luận phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị nộp theo biên lai số AA/2017/0006417 ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị Luận đã nộp đủ án phí).

**Ý kiến của lãnh đạo phụ trách:**

**THẨM PHÁN**

**Trần Thị Thu Phương**

## KẾ HOẠCH XÉT HỎI

### 1. Phần thủ tục bắt đầu phiên tòa

- Hôm nay, ngày        tháng        năm, Tòa án nhân dân TP Thanh Hóa mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án về tranh chấp ly hôn, thay mặt Hội đồng xét xử tôi tuyên bố khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Đề nghị mọi người trong Hội trường xét xử ngồi xuống và yêu cầu Thư ký phiên tòa báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và lý do vắng mặt.

- Thay mặt HĐXX tôi kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và **kiểm tra căn cước của đương sự, người tham gia tố tụng khác.**

- Nguyên đơn: khai rõ họ tên, sinh năm, trú tại
- Bị đơn: khai rõ họ tên, sinh năm, trú tại

**Chú ý:** Khi có người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa mà không thuộc trường hợp TA phải hoãn phiên tòa thì chủ tọa phiên tòa hỏi xem có ai đề nghị hoãn phiên tòa hay không; nếu có người đề nghị thì HĐXX xem xét, quyết định và có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận, nếu không chấp nhận thì phải nêu rõ lý do ( Điều 241 BLTTDS).

**- Sau đây tôi thay mặt HĐXX, phổ biến quyền và nghĩa vụ của đương sự và của người tham gia tố tụng khác.**

Theo quy định tại Điều 70 BLTTDS: Đương sự có quyền và nghĩa vụ ngang nhau khi tham gia tố tụng. Khi tham gia tố tụng, đương sự có quyền, nghĩa vụ sau đây:

- Tôn trọng Tòa án, chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa;
- Giữ nguyên, thay đổi, bổ sung hoặc rút yêu cầu theo quy định.
- Cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.
- Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp tài liệu, chứng cứ đó cho mình;
- Đề nghị TA xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ của vụ việc mà tự mình không thể thực hiện được; đề nghị TA yêu cầu đương sự khác xuất trình tài liệu, chứng cứ mà họ đang giữ; đề nghị TA ra quyết định yêu cầu cơ quan, tổ chức đang lưu giữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp tài liệu, chứng cứ đó; đề nghị TA triệu tập người làm chứng, trưng cầu giám định, quyết định việc định giá tài sản.
- Được biết, ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ do đương sự khác xuất trình hoặc do TA thu thập, trừ tài liệu, chứng cứ ( trừ tài liệu, chứng cứ liên quan đến bí mật NN, thuần phong mỹ tục của dân tộc, bí mật nghề nghiệp, kinh doanh, cá nhân quy định tại Khoản 2 Điều 109 BLTTDS).
- Tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, tham gia hòa giải do TA tiến hành.
- Nhận thông báo hợp lệ để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
- Tự bảo vệ hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

- Yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng theo quy định ( QĐ thay đổi người tiến hành TT, người giám định, người phiên dịch phải được HĐXX thảo luận, thông qua tại phòng nghị án và lập thành văn bản- Khoản 2 Điều 235 BLTTDS. Trường hợp phải thay đổi thì HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa, theo Điều 84 BLTTDS).

- Tham gia phiên tòa, phiên họp theo quy định của bộ luật này;

- Phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và chấp hành quyết định của Tòa án trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc

- Đề nghị TA đưa người có QLNVLQ tham gia tố tụng.

- Đề nghị TA tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định (QĐ tạm đình chỉ phải được HĐXX thảo luận, thông qua tại phòng nghị án và lập thành văn bản- Khoản 2 Điều 235 BLTTDS).

- Đưa ra câu hỏi với người khác về vấn đề liên quan đến vụ án hoặc đề xuất với TA những vấn đề cần hỏi người khác; được đối chất với nhau hoặc với người làm chứng.

- Tranh luận tại phiên tòa, đưa ra lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng.

- Được cấp trích lục bản án, bản án, quyết định của TA.

- Kháng cáo, khiếu nại bản án, QĐ của TA theo quy định.

- Đề nghị người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật

- Chấp hành nghiêm chỉnh bản án, QĐ của TA đã có hiệu lực PL.

- Sử dụng quyền của đương sự một cách thiện chí, không được lạm dụng để gây cản trở hoạt động tố tụng của TA, đương sự khác. Trường hợp không thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu hậu quả do Bộ luật này quy định.

**- Ngoài ra, nguyên đơn còn có quyền, nghĩa vụ như sau: ( Điều 71 BLTTDS):**

- Thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Chấp nhận hoặc bác bỏ 1 phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, người có QLNVLQ có yêu cầu độc lập.

**- Bị đơn còn có quyền, nghĩa vụ sau: ( Điều 72 BLTTDS):**

- Được TA thông báo về việc bị khởi kiện.

- Chấp nhận hoặc bác bỏ 1 phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, người có QLNVLQ có yêu cầu độc lập.

- Đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn nếu có liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn hoặc đề nghị đối trừ với nghĩa vụ của nguyên đơn. Đối với yêu cầu phản tố thì bị đơn có quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn.

- Đưa ra yêu cầu độc lập đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và yêu cầu độc lập này có liên quan đến việc giải quyết vụ án. Đối với yêu cầu độc lập thì bị đơn có quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn quy định tại Điều 71 của Bộ luật này.

- Trường hợp yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận để giải quyết trong cùng vụ án thì bị đơn có quyền khởi kiện vụ án khác



**Thay mặt HĐXX, tôi giới thiệu thành viên của HĐXX, KSV, Thư ký phiên tòa:**

- Tôi là Trần Thị Thu Phương - thẩm phán TAND TP Thanh Hóa được phân công làm chủ tọa phiên tòa

- Bên tay phải tôi là ông (bà).....

- Bên tay trái tôi là ông (bà)..... là 2 HTND TP Thanh Hóa.

Ba chúng tôi có quyền quyết định về tội danh, hình phạt và các vấn đề khác có liên quan trong việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa là bà Nguyễn Thị Lý, Kiểm sát viên.

- Thư ký phiên tòa (bà) Lê Thị Mai, thư ký Tòa án Tòa án thành phố Thanh Hóa.

- Để thực hiện một trong số các quyền của mình, nguyên đơn (bị đơn) có đề nghị thay đổi ai trong số thành viên những người tiến hành tố tụng tôi vừa giới thiệu không?

Kiểm sát viên có đề nghị thay đổi ai trong những người tiến hành tố tụng không?

- Hỏi nguyên đơn: có thay đổi, bổ sung, rút 1 phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện hay không?

- Hỏi bị đơn: có thay đổi, bổ sung, rút 1 phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố hay không?

## **II. Kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, chuyển sang phần tranh tụng tại phiên tòa:**

- **Phần trình bày:** Đề nghị nguyên đơn trình bày yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- **Thứ tự hỏi:**

+ Hỏi các đương sự có đặt câu hỏi với nhau không sau đó mới hỏi.

+ Về phần xét hỏi các vị HTND có hỏi thêm gì không ? Đại diện VKS có hỏi thêm gì không ?

Các đương sự có yêu cầu hỏi thêm gì không ?

## **III. Kết thúc phần thủ tục hỏi, chuyển sang phần thủ tục tranh luận tại phiên tòa:**

- Yêu cầu nguyên đơn, bị đơn trình bày quan điểm và hỏi các đương sự có tranh luận gì với nhau không .

*Chú ý: Trường hợp vắng mặt 1 trong các đương sự và người tham gia tố tụng khác thì chủ tọa công bố lời khai của họ để trên cơ sở đó các đương sự có mặt tranh luận.*

- Đề nghị Đại diện VKS phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của TP, HĐXX, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

**IV: Kết thúc phần tranh luận, chuyển sang phần nghị án.** ( Điều 264 BLTTDS).

**V. Tuyên án.**